



Hā wǎ nà

哈瓦那

proper noun (place name) · Havana (capital of Cuba)

Example Sentences

Hā wǎ nà shì Gǔ bā de shǒu dū
哈瓦那是古巴的首都。

Havana is the capital of Cuba.

Tā qù nián qù Hā wǎ nà lǚ xíng
他去年去哈瓦那旅行。

He traveled to Havana last year.

Hā wǎ nà de lǎo chéng qū yǒu hěn duō cǎi sè jiàn zhù
哈瓦那的老城区有很多彩色建筑。

The old town of Havana has many colorful buildings.

Trace each character, then write the word on your own.

哈	哈	哈	哈	哈	哈	哈	哈	哈	哈	哈
哈										
瓦	瓦	瓦	瓦	瓦	瓦	瓦				
那	那	那	那	那	那	那	那	那		